

Bản án số: 07/2020/HS-ST

Ngày: 05- 5- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Hồng Vân

2. Ông Nguyễn Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 09/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Đoàn Xuân T, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 02/01/1978; Nơi sinh: Đồng Hỷ, Thái Nguyên; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm LG, xã KM, huyện ĐH, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Đoàn Xuân Th, sinh năm 1955, con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1954; có vợ là: Linh Thị Huyền D, sinh năm 1984, có 01 con sinh năm 2006; Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân:

- Tại Quyết định số 1132/QĐ-UBND ngày 26/6/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, buộc Đoàn Xuân T đi cai nghiện ma túy với thời hạn 12 tháng tại Trung tâm Chữa bệnh - GD - LĐXH huyện Đồng Hỷ;

- Tại Quyết định số 3253/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, buộc Đoàn Xuân T đi cai nghiện ma túy với thời hạn 12 tháng tại Trung tâm Chữa bệnh - GD - LĐXH huyện Đồng Hỷ;

- Tại Quyết định số 40/QĐ-CS ngày 27/12/2018 của Cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Đồng Hỷ, tiếp nhận Đoàn Xuân T vào cai nghiện, chữa trị tự nguyện với thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 27/12/2018;

- Tại Quyết định số 27/QĐ-CS ngày 12/9/2019 của Cơ sở điều trị nghiện ma túy huyện Đồng Hỷ, tiếp nhận Đoàn Xuân T vào cai nghiện, chữa trị tự nguyện với thời hạn 06 tháng, kể từ ngày 12/9/2019. T chưa chấp hành xong (ngày 06/10/2019 bỏ trốn).

Hiện bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên từ ngày 15/01/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ **Bị hại:** Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1976 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Tiến G, sinh năm 1983 - Có mặt

Trú tại: Xóm HB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

2. Anh Thảm Văn H, sinh năm 1972 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN.

+ Người làm chứng:

1. Anh Mai Đình C, sinh năm 1982 - Có mặt

Trú tại: Xóm HB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

2. Anh Lăng Văn L, sinh năm 1987 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm HH, xã LH, huyện VN, tỉnh TN

3. Anh Nguyễn Duy HT, sinh năm 1982 - Vắng mặt

Trú tại: Xóm CB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/9/2019, Đoàn Xuân T một mình đi bộ từ nhà đến khu vực xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Đến nơi, T quan sát thấy ở cạnh đường có 01 ngôi nhà cấp 4, bên trong sân có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đỏ, không rõ biển kiểm soát, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa, đầu xe hướng vào trong nhà, đuôi xe quay ra cổng (sau xác định là nhà chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1976). T quan sát xung quanh thấy không có người và cổng không khóa nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. T mở cổng đi thẳng đến nơi để chiếc xe mô tô, bỏ chiếc mũ bảo hiểm đang để ở trên xe xuống sân, gần vị trí để xe, quay đầu xe dắt ra cổng và mở khóa điện, nổ máy rồi điều khiển xe đi theo hướng Quốc lộ 1B hướng đi Lạng Sơn tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến khu vực Km số 12 thuộc địa phận xã QS, huyện ĐH, T dừng xe lại, mở cốp xe kiểm tra thì thấy bên trong có 01 đăng ký xe mang tên Thảm Văn H, sinh năm 1972 là chồng của chị O; 01 chứng minh thư nhân dân

và 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị O. T giữ lại đăng ký xe mô tô còn chứng minh thư nhân dân và giấy phép lái xe T vứt lại rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh Nguyễn Duy HT, sinh năm 1982, trú tại: xóm CB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN để bán, nhưng do đăng ký xe không phải tên của T nên anh HT không mua. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đến nhà anh Mai Đình C, sinh năm 1982, trú tại: xóm XH, xã LH, huyện VN, tỉnh TN để nhờ anh C bán xe hộ. Anh C đồng ý rồi dẫn T đến cửa hàng sửa xe máy của anh Nguyễn Tiếp G, sinh năm 1983, trú tại: xóm HB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN. Khi đi, C và T mỗi người đi một xe. Trên đường đi bán xe, T và C gặp 01 người đàn ông không quen biết xin đi nhờ (sau xác định được là Lăng Văn L, sinh năm 1987, trú tại: xóm HH, xã LH, huyện VN, tỉnh TN), T dừng lại cho L đi nhờ. Khi cả ba người đến cửa hàng mua bán xe máy của anh Nguyễn T G, T bảo muốn bán chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được như trên. Anh G đồng ý mua với giá 6.000.000 đồng. Do T bị đau tay nên đã nhờ Lăng Văn L viết giấy bán xe, rồi C và T cùng ký tên xác nhận. Sau khi bán xe xong và nhận đủ tiền, T đưa cho C 1.000.000 đồng để đi mua ma túy về cho cả ba người cùng sử dụng. C cầm tiền rồi một mình điều khiển xe mô tô đến khu vực thuộc xóm HM, xã LH, huyện VN, tỉnh TN để mua ma túy. Tại đây, C đã mua được ma túy của một người đàn ông không biết tên, địa chỉ, sau đó mang ma túy về và cả nhóm cùng sử dụng. Sau đó, C điều khiển xe mô tô chở T và L về, trên đường về, L xuống xe ở khu vực xã La Hiên còn C chở T đến khu vực phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên, sau đó T đi bộ về nhà và C quay về nhà mình.

Ngay sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị O đã trình báo Công an xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết.

Tại bản kết luận số 32/ĐGTS/HS ngày 30/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đồng Hỷ, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave S, màu đỏ xám, BKS: 20M6 - 9547, có giá trị tại thời điểm ngày 10/9/2019 là 8.100.000 đồng.

Sau khi phạm tội, Đoàn Xuân T bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 15/01/2020, T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, BKS 20M6 - 9547; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Thẩm Văn H do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/9/2009. Tài sản trên đã được thu hồi, ngày 18/10/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã trả lại cho anh H quản lý, sử dụng.

+ 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị O, hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, BKS 20M6 - 9547; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Thẩm Văn H do Công an tỉnh Thái Nguyên

cấp ngày 10/9/2009. Anh H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác đối với bị cáo.

+ Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị O, hiện không thu hồi được. Chị O không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

+ Đối với số tiền 6.000.000 đồng bị cáo bán xe cho anh Nguyễn T G, khi mua xe anh G không biết chiếc xe do bị cáo trộm cắp mà có. Hiện nay bị cáo chưa trả cho anh G số tiền này, nay anh G yêu cầu bị cáo phải trả anh số tiền trên.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSĐH, ngày 09/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đoàn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả cho anh Nguyễn T G số tiền 6.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/9/2019, Đoàn Xuân T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave S, BKS: 20M6 - 9547, có giá trị 8.100.000 đồng của chị Nguyễn Thị O đang dựng tại sân nhà chị O tại xóm TT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh TN. Sau khi trộm cắp được xe mô tô, T đã đem đi bán cho anh Nguyễn Tiến G, sinh năm 1983, trú tại: xóm HB, xã LH, huyện VN, tỉnh TN lấy số tiền 6.000.000 đồng dùng để mua ma túy sử dụng

và tiêu xài cá nhân hết. Hiện nay, chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả cho gia đình chị O quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, biên bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, lời khai của người làm chứng, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy, việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 173 Bộ luật hình sự quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[2]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Đoàn Xuân T chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân rất xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy đã nhiều lần được đi cai nghiện tập trung.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, sau đó bị cáo đã ra cơ quan Công an đầu thú nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân rất xấu, là đối tượng nghiện chất ma túy, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra; do đó, khi lượng hình cần lên một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nHT xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp ổn định,

không có thu nhập, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[4]. Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, BKS: 20M6 – 9547 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Thẩm Văn H do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/9/2009, quá trình điều tra ngày 18/10/2019 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hỷ đã trả lại cho anh H là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng là phù hợp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại chị Nguyễn Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Thẩm Văn H có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave S, BKS: 20M6 – 9547; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Thẩm Văn H do Công an tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/9/2009; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị O bị trộm cắp. Quá trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ được giấy đăng ký và chiếc xe mô tô trên trả lại cho gia đình anh H, chị O là chủ sở hữu hợp pháp quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa, chị O và anh H vắng mặt nHT đã có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì thêm đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn T G có số tiền 6.000.000 đồng mua chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp, đến nay bị cáo chưa trả lại cho anh G số tiền này. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh G yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền trên, bị cáo đồng ý với yêu cầu của anh G. Hội đồng xét xử xét thấy: việc anh G và bị cáo thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật; do đó, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh G; cụ thể: bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho anh số tiền là 6.000.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người T

hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[7]. Ngoài ra, trong vụ án này, anh Nguyễn Tiến G là người đã mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp mà có; tuy nhiên, khi mua xe anh G không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có, đồng thời anh G đã tự nguyện giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan Công an nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Mai Đình C và Lăng Văn L (là những người đưa T đến cửa hàng xe máy và viết giấy bán xe cho G) nhưng vì C và L không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Đoàn Xuân T, Mai Đình C và Lăng Văn L. Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Hỷ đã có Công văn số 57/CSĐT-HS ngày 14/02/2020 chuyển hồ sơ đề nghị Công an huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xử phạt: **Đoàn Xuân T** 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/01/2020. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Quyết định tạm giam bị cáo Đoàn Xuân T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Đoàn Xuân T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn T G về việc bồi thường; cụ thể: bị cáo Đoàn Xuân T có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn T G số tiền là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Đối với quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án, được thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đoàn Xuân T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn T G, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại chị Nguyễn Thị O và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Thẩm Văn H, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- Cơ quan THA hình sự - CA huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã KM, huyện DH;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ đến vụ án;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Huy Bắc